



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 19 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 834 trẻ (Trung tâm: 442, Hải Đông: 392trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					15.133.500		7.990.000		7.143.500
1	Bún khô	45000	Kg	17	765.000	9	405.000	8	360.000
2	Cà chua	45.000	Kg	11	495.000	6	270.000	5	225.000
3	Thịt ghe bóc nỡn	550.000	Kg	3	1.650.000	1,7	935.000	1,3	715.000
4	Sá sùng khô	3.000.000	Kg	0,5	1.500.000	0,2	600.000	0,3	900.000
5	Bí đỏ	30.000	Kg	5	150.000	2	60.000	3	90.000
6	Cải ngọt	35.000	Kg	21	735.000	11	385.000	10	350.000
7	Giò lụa	150.000	Kg	40,5	6.075.000	22	3.300.000	18,5	2.775.000
8	Hành khô	60.000	Kg	0,8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
9	Hành lá	45.000	Kg	1,3	58.500	0,7	31.500	0,6	27.000
10	Rau mùi	85.000	Kg	1,2	102.000	0,7	59.500	0,5	42.500
11	Tôm nõn	220.000	Kg	6,5	1.430.000	3,5	770.000	3	660.000
12	vang	30.000	Kg	17	510.000	10	300.000	7	210.000
13	Xương lợn	85.000	Kg	19	1.615.000	10	850.000	9	765.000
Nhóm xuất kho					4.482.000		2.411.000		2.071.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	70	1.400.000	37	740.000	33	660.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,2	84.000	0,6	42.000	0,6	42.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1,2	18.000	0,6	9.000	0,6	9.000
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	7,5	450.000	4	240.000	3,5	210.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	11	2.530.000	6	1.380.000	5	1.150.000
Tổng chi					19.615.500		10.401.000		9.214.500
Tổng thu					19.615.680		10.395.840		9.219.840
Tồn ngày hôm trước					3.940		4.420		-480
Thừa (Thiếu)					4.120		-740		4.860

834	23.520
442	
392	